

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNV-NCC

V/v hướng dẫn một số nội dung về
phân định thẩm quyền của chính
quyền địa phương 02 cấp đối với
lĩnh vực người có công

Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khoá 15 về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khoá 15 về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; Thông tư số 09/2025/TT-BNV ngày 18/6/2025 của Bộ Nội vụ quy định về phân định thẩm quyền và phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực Nội vụ; các văn bản quy phạm liên quan đến lĩnh vực người có công với cách mạng.

Để triển khai thống nhất, đúng quy định các nội dung của Nghị định số 129/2025/NĐ-CP; Sở Nội vụ hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện như sau:

I. NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ THÂN NHÂN NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

1. Điều kiện, tiêu chuẩn và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng

Thực hiện theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 (sau đây gọi là Pháp lệnh số 02/2020) và Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (sau đây gọi là Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã, phường chỉ đạo phòng chuyên môn nghiên cứu để tham mưu, tổ chức thực hiện việc xét duyệt hồ sơ công nhận, giải quyết chế độ ưu đãi đối với người có công và thân nhân người có công với cách mạng đảm bảo đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

2. Trình tự, thủ tục giải quyết chế độ

Thực hiện theo Nghị định số 131/2021/2021/NĐ-CP và Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm

quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 129/2025/NĐ-CP).

Ủy ban nhân dân xã, phường chỉ đạo phòng chuyên môn cứu tham mưu, tổ chức thực hiện đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng thành phần hồ sơ và thời gian quy định tại cấp xã.

3. Một số nhiệm vụ Ủy ban nhân dân xã, phường cần triển khai thực hiện

(1) Thành lập Hội đồng xác nhận người có công cấp xã:

- Thành phần: Theo điểm b khoản 2 mục II Phụ lục I Nghị định 129/2025/NĐ-CP.

- Nhiệm vụ: Hợp xét hồ sơ xác nhận người có công theo quy định.

(2) Thành lập Ban Quản lý "Quỹ đền ơn đáp nghĩa" và ban hành quy chế quản lý Quỹ: Thực hiện theo Mục 3 Chương VII Nghị định 131/2021/NĐ-CP và Điều 39 Nghị định 129/2025/NĐ-CP.

(3) Giải quyết chế độ trợ cấp khi người có công và thân nhân người có công với cách mạng từ trần:

- Thực hiện theo Mục 3 Chương IV Nghị định 131/2021/NĐ-CP và các Điều 31,32,33 Nghị định 129/2025/NĐ-CP.

- Hướng dẫn thân nhân kê khai, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

(4) Quản lý công trình ghi công liệt sĩ:

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, chăm sóc công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn cấp xã quản lý.

- Việc di chuyển hài cốt, tiếp nhận hài cốt liệt sĩ, sửa thông tin bia mộ thực hiện đúng quy định tại Chương V Nghị định 131/2021/NĐ-CP và Điều 34,35,36,37,38 Nghị định 129/2025/NĐ-CP.

(5) Chế độ ưu đãi giáo dục: Thực hiện theo Mục 5 Chương III Nghị định 131/2021/NĐ-CP và Điều 27,28 Nghị định 129/2025/NĐ-CP.

(6) Quản lý biến động đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng:

- Báo giảm ngay khi có biến động (từ trần, hết tuổi hưởng trợ cấp tuất, chuyển đi địa phương khác...); báo giảm chậm trên 02 tháng gây chi trả sai phải có văn bản giải trình, xác định rõ nguyên nhân và trách nhiệm của cá nhân, tập thể khi xảy ra việc báo giảm chậm.

- Trường hợp đối tượng di chuyển đi địa phương khác sinh sống, hướng dẫn đối tượng làm thủ tục đề nghị di chuyển hồ sơ, chế độ đến nơi cư trú mới. Xác nhận đầy đủ các chế độ hiện hưởng của đối tượng (trợ cấp, phụ cấp hàng tháng; bảo hiểm y tế; chế độ điều dưỡng; trang cấp dụng cụ chỉnh hình; chế độ ưu đãi giáo dục; hỗ trợ cải thiện nhà ở....).

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt thông tin và có văn bản đề nghị Sở Nội vụ ban hành quyết định đình chỉ hoặc chấm dứt chế độ ưu đãi đối với các trường hợp quy định tại Điều 54 Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng ngay

sau khi nhận được bản án hoặc kết quả xác minh có kết luận của cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn đối tượng lập hồ sơ, thủ tục hưởng lại chế độ theo quy định tại Điều 119 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

(7) Truy thu trợ cấp, phụ cấp hưởng sai quy định:

Tiếp tục thực hiện truy thu trợ cấp, phụ cấp đối với đối tượng đã có Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ trợ cấp. Thực hiện báo cáo tình hình truy thu về Sở Nội vụ trước ngày 25 của tháng cuối mỗi quý.

4. Thủ tục hành chính giải quyết các chế độ ưu đãi lĩnh vực người có công

Quy trình thủ tục hành chính giải quyết chế độ ưu đãi lĩnh vực người có công với cách mạng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ quy định cụ thể tại các Quyết định sau:

- Quyết định số 320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 320/QĐ-BNV).

- Quyết định số 639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 639/QĐ-BNV).

- Quyết định số 672/QĐ-BNV ngày 30/6/2025 của Bộ Nội vụ về thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình (sau đây gọi tắt là Quyết định số 672/QĐ-BNV).

II. GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NHÓM ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC THEO YÊU CẦU QUẢN LÝ

1. Danh mục văn bản áp dụng:

- Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 150/2006/NĐ-CP).

- Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (sau đây gọi tắt là Quyết định 142/2008/QĐ-TTg).

- Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11/4/2002 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với Quân nhân, công nhân viên Quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ ngày 31/12/1960 trở về trước (sau đây gọi tắt là Quyết định số 47 /2002/QĐ-TTg).

- Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 19/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (sau đây gọi tắt là Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg).

- Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (sau đây gọi tắt là Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg).

- Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (sau đây gọi tắt là Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg).

- Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 14/4/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến (sau đây gọi tắt là Quyết định số 104/QĐ-TTg).

- Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế (sau đây gọi tắt là Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg).

- Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương (sau đây gọi tắt là Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg).

- Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến (sau đây gọi tắt là Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg).

- Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chia (sau đây gọi tắt là Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg).

- Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg).

- Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Quốc phòng (sau đây gọi tắt là Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg).

2. Thủ tục hành chính thực hiện

(1) Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với các nhóm đối tượng theo các Quyết định:

- Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg (*Tên TTHC: Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của*

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Mã số TTHC: 1.001257)

- Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg (Tên TTHC: *Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a; Mã số TTHC: 1.004964)*

- Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg (Tên TTHC: *Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến; mã số TTHC: 2.001396/tên TTHC: Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến; Mã số TTHC: 2.001157).*

- Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg (Tên TTHC: *Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp; Mã số TTHC: 2.002308)*

- Thủ tục hành chính giải quyết mai táng phí nhóm đối tượng cựu chiến binh theo các văn bản: Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, Quyết định 142/2008/QĐ-TTg, Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg... - (Tên TTHC: *Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh; Mã số TTHC: 2.002307).*

Thực hiện tiếp nhận theo quy trình tương ứng được quy định tại các Quyết định:

- + Quyết định số 320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025 của Bộ Nội vụ;
- + Quyết định số 639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ Nội vụ;
- + Quyết định số 672/QĐ-BNV ngày 30/6/2025 của Bộ Nội vụ.

(2) Giải quyết chế độ mai táng phí đối với nhóm đối tượng hưởng trợ cấp một lần theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg (Tên TTHC: *Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; Mã số TTHC: 2.002550).*

Thực hiện theo quy trình được quy định tại Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

(3) Giải quyết chế độ đối với nhóm đối tượng theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng).

Ủy ban nhân dân xã, phường lập hồ sơ bản giấy gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Sở Nội vụ hướng dẫn làm rõ thêm một số nội dung liên quan đến các chế độ chính sách thuộc lĩnh vực người có công và đối tượng chính chính khác theo quy định khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chỉ đạo phòng chuyên môn nghiên cứu nội dung Văn bản này để tham mưu, tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định của Nhà nước./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng: NCC, TC, VP;
- Lưu: VT, NCC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Việt Hùng